

Bản án số: 42/2024/DS-ST

Ngày 20 - 9 - 2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thanh và ông Đinh Đức Thành.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/9/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2024/TLST-DS ngày 15/5/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 29/2024/QĐXXST-DS ngày 22/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2024/QĐST-DS ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968; nơi thường trú: thôn Đ, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; nơi thường trú: thôn F, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn (bà Nguyễn Thị N) trình bày:

Bà Nguyễn Thị N và bị đơn (bà Nguyễn Thị T) có quan hệ quen biết nhau qua em gái của bà N (là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; nơi thường trú: thôn V, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh). Khoảng tháng 6 năm 2021, khi bà Nguyễn Thị T làm ăn khó khăn thì có nhờ qua bà H dẫn đến nhà bà N để vay số tiền là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng) và bà N đồng ý. Vào ngày 25/6/2021 bà N và bà Nguyễn Thị T có viết 01 giấy vay tiền nội dung bà T có vay bà N số tiền 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng). Khi viết giấy vay tiền chỉ có bà N và bà Nguyễn Thị T ký tên vào giấy vay tiền, còn chữ ký Phô (Nguyễn Văn P) là do bà T viết vào, ông P (Nguyễn Văn P) là chồng bà T không vay tiền của bà N mà chỉ có bà T là người vay

và nhận số tiền trên. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi theo quy định của pháp luật. Hai bên ký giấy vay, nhận tiền là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Đến hết tháng 4/2022, bà Nguyễn Thị T đã trả được cho bà N số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) tiền gốc trong tổng số tiền gốc đã vay là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi theo đúng thỏa thuận. Sau đó bà Nguyễn Thị T vẫn trả lãi đầy đủ cho bà N theo thỏa thuận của hai bên đến tháng 9/2023 thì không trả nữa. Sau đó bà N đã nhiều lần yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả đủ cho bà N số tiền gốc còn lại là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi của số tiền này theo thỏa thuận, tuy nhiên đã nhiều lần liên lạc và hòa giải tại Tòa án bà T vẫn không trả tiền. Quá trình hòa giải, bà N đồng ý với quan điểm của bà T về việc tính lãi suất là 20%/năm. Tuy nhiên, bà không đồng ý với phương thức trả nợ của bà T, bà yêu cầu bà T phải trả cho bà toàn bộ số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn (bà Nguyễn Thị N) bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện: yêu cầu Tòa án buộc bị đơn (bà Nguyễn Thị T) có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị N: tính đến ngày 20/9/2024 số tiền gốc còn nợ là 200.000.000 đ (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi của số tiền gốc còn nợ theo thỏa thuận là 20%/năm nhưng tính tròn tiền mỗi tháng bà T phải thanh toán cho bà N số tiền là 3.300.000 đồng/tháng; thời điểm tính lãi từ ngày 26/9/2023 cho đến ngày 20/9/2024 với số tiền lãi là: 39.050.000đ (ba mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị N tính đến ngày 20/9/2024 là: 239.050.000 đ (hai trăm ba mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Trong quá trình tố tụng và tại các buổi hòa giải tại Tòa án, bị đơn (bà Nguyễn Thị T) trình bày:

Bà Nguyễn Thị T có quan hệ quen biết, làm ăn với bà Nguyễn Thị H (nơi thường trú: thôn Đ, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh). Trong quá trình làm ăn bà T có vay tiền bà H để mua hàng hóa, thì bà H nói đây là tiền của bà Nguyễn Thị N cho vay và bảo bà xuống ký vay nhận nợ với bà Nguyễn Thị N. Vào ngày 25/6/2021 bà có ký với bà N nhận vay số tiền là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng), chỉ có mình bà T vay và ký nhận vào giấy vay tiền ngày 25/6/2021. Bà Nguyễn Thị T là người ký tên P (Nguyễn Văn P) trong giấy vay tiền ngày 25/6/2021 do bà N bảo bà T ký tên ông P vào thì bà T ký, số tiền này do mình bà T vay của bà N không liên quan gì đến chồng bà T là ông Nguyễn Văn P. Không ai ép buộc bà Nguyễn Thị T ký giấy vay tiền trên. Đến tháng 4/2022 bà T đã trả được số tiền: 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) tiền gốc trong tổng số tiền vay của bà Nguyễn Thị N là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) và 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) tiền lãi theo thỏa thuận tính từ khi vay đến hết tháng 4/2022. Từ tháng 4/2022 bà T và bà N thỏa thuận mỗi tháng bà T sẽ trả số tiền lãi là 4.000.000 đồng mỗi tháng cho khoản vay 200.000.000 đồng tiền gốc. Từ tháng 4/2022 đến 9/2023 bà T đã trả tiền lãi theo thỏa thuận cho bà Nguyễn Thị N, số tiền 200.000.000 đồng tiền gốc bà vay của bà Nguyễn Thị N, bà T chưa trả.

Tại phiên hòa giải tại Tòa án ngày 24/7/2024 bà Nguyễn Thị T trình bày quan điểm: bà sẽ có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền gốc còn nợ là

200.000.000 đ (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi theo thỏa thuận lãi suất là 20%/năm tính tròn tiền là 3.300.000đ (ba triệu ba trăm nghìn đồng)/ tháng, tính từ tháng 10/2023 cho đến tháng 7/2024 là 10 tháng với số tiền lãi là: 33.000.000 đồng. Tổng số tiền bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị N là: 233.000.000đ (hai trăm ba mươi ba triệu đồng).

Tại phiên hòa giải bà Nguyễn Thị T cũng trình bày: do hiện nay hoàn cảnh khó khăn bà T chỉ có thể trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 5.000.000 đồng tiền gốc và lãi mỗi tháng (vào ngày 20 hàng tháng) cho đến khi bà T trả nợ xong khoản vay. Bà Nguyễn Thị T sẽ có trách nhiệm trả lãi đối với số tiền gốc chưa thanh toán theo mức hai bên thỏa thuận là 20%/năm, tính tròn tiền là 3.300.000 đồng/tháng. Bà không đồng ý phương thức trả nợ của bà N đưa ra.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện cơ bản đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quan điểm của bị đơn nêu trên. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà Nguyễn Thị N) về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị N số tiền gốc còn nợ là: 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi của số tiền gốc còn nợ theo thỏa thuận là 20%/năm nhưng tính tròn tiền mỗi tháng bà T phải thanh toán cho bà N số tiền là 3.300.000đ (ba triệu ba trăm nghìn đồng) tiền lãi; thời điểm tính lãi từ ngày 26/09/2023 cho đến ngày 20/9/2024 với số tiền lãi là: 39.050.000đ (ba mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị N tổng số tiền tính đến ngày 20/9/2024 là: 239.050.000 đồng (hai trăm ba mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và các căn cứ tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền:

Căn cứ vào các nội dung yêu cầu khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp kèm theo đơn khởi kiện và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn (bà Nguyễn Thị N) khởi kiện đối với bị đơn (bà Nguyễn Thị T) cư trú tại thôn F, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Bị đơn (bà Nguyễn Thị T) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh đã đưa ông Nguyễn Thành P1 sinh năm 1967; nơi thường trú: thôn F, xã L, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh là chồng bị đơn (bà Nguyễn Thị T) tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án, ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều nhưng không đến làm việc và không có quan điểm đối với nội dung vụ án. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều có lời khai thể hiện: khi viết giấy vay tiền đề ngày 25/6/2021 chỉ có bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị T ký tên vào giấy vay tiền, còn chữ ký Phô (Nguyễn Văn P) là do bà T viết vào, ông P (Nguyễn Văn P) là chồng bà T không vay tiền của bà Nguyễn Thị N, mà chỉ có bà Nguyễn Thị T là người vay và nhận số tiền trên. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và bị đơn bà Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án không đưa ông Nguyễn Văn P tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là bị đơn. Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh đã ra Thông báo về việc thay đổi người tham gia tố tụng số: 01/2024/TB-TA ngày 20/8/2024 như vậy ông Nguyễn Văn P không còn là đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Nguyên đơn (bà Nguyễn Thị N) và bị đơn (bà Nguyễn Thị T) có quan hệ là quen biết nhau qua em gái của bà N là bà Nguyễn Thị H. Khoảng tháng 6 năm 2021 khi bà Nguyễn Thị T làm ăn khó khăn có nhờ bà H dẫn đến nhà bà Nguyễn Thị N để vay số tiền là 270.000.000 đồng và bà N đồng ý. Vào ngày 25/6/2021 bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị T viết 01 giấy vay tiền nội dung bà T vay bà N số tiền là 270.000.000 đồng. Khi viết giấy vay tiền chỉ có bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị T ký tên vào giấy vay tiền, còn chữ ký Phô (Nguyễn Văn P) là do bà T viết vào, ông P (Nguyễn Văn P) là chồng bà T không vay tiền của N mà chỉ có bà T là người vay và nhận số tiền trên từ bà N. Khi vay, nhận tiền bà N và bà T có thỏa thuận lãi theo quy định của pháp luật. Hai bên ký giấy vay nhận tiền là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Đến hết tháng 4/2022, bà Nguyễn Thị T đã trả được cho bà Nguyễn Thị N số tiền 70.000.000 đồng tiền gốc trong tổng số tiền vay là 270.000.000 đồng và tiền lãi theo đúng thỏa thuận. Sau đó bà Nguyễn Thị T vẫn trả lãi đầy đủ cho bà Nguyễn Thị N theo thỏa thuận của hai bên đến tháng 9/2023 thì không trả nữa. Sau đó bà N đã nhiều lần yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả đủ cho bà N số tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này theo thỏa thuận, tuy nhiên đã nhiều lần liên lạc và hòa giải tại tòa án bà T vẫn không trả tiền.

Trong quá trình tiến hành hòa giải tại Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, bà

Nguyễn Thị T cùng thống nhất được về nội dung vụ án, cụ thể: bà **Nguyễn Thị T** phải có trách nhiệm thanh toán cho bà **Nguyễn Thị N** số tiền gốc còn nợ là: 200.000.000 đ (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi của số tiền gốc còn nợ theo thỏa thuận là 20%/năm nhưng tính tròn tiền mỗi tháng bà **T** còn phải thanh toán cho bà **N** số tiền là 3.300.000 đồng/tháng; thời điểm tính lãi từ tháng 10/2023 cho đến tháng 7/2024 là 10 tháng với số tiền lãi là: 33.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Nguyễn Thị N** và bà **Nguyễn Thị T** không thỏa thuận được với nhau về phương thức thanh toán số tiền gốc và lãi mà bà **Nguyễn Thị T** phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà **Nguyễn Thị N**.

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị N**, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 25/6/2021 bà **Nguyễn Thị N** và bà **Nguyễn Thị T** viết 01 Giấy vay tiền nội dung bà **T** có vay bà **T** số tiền là 270.000.000 đồng.

- Về hình thức: Việc vay, nhận nợ giữa Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị N** và bị đơn bà **Nguyễn Thị T** được lập thành văn bản.

- Về chủ thể tham gia: tại thời điểm các bên thực hiện việc ký vay, nhận nợ bà **Nguyễn Thị N** và bà **Nguyễn Thị T** đều có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự. Hai bên ký giấy vay tiền ngày 25/6/2021 là hoàn toàn tự nguyện. Mục đích và nội dung của giấy vay tiền không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 118, khoản 1 Điều 119 Bộ luật Dân sự.

- Về nội dung: trong giấy vay tiền ngày 25/6/2021, nguyên đơn là bà **Nguyễn Thị N** và bị đơn là bà **Nguyễn Thị T** không thỏa thuận về mức lãi suất đối với số tiền cho vay. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà **Nguyễn Thị N** và bà **Nguyễn Thị T** đều thống nhất nội dung giữa hai bên có thỏa thuận lãi bằng miệng theo quy định của pháp luật, việc này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trên thực tế đến hết tháng 4/2022, bà **Nguyễn Thị T** đã trả được cho bà **Nguyễn Thị N** số tiền 70.000.000 đồng tiền gốc trong tổng số tiền vay là 270.000.000 đồng và tiền lãi theo đúng thỏa thuận. Sau đó bà **Nguyễn Thị T** vẫn trả lãi đầy đủ cho bà **Nguyễn Thị N** theo thỏa thuận của hai bên đến tháng 9/2023.

Tại phiên hòa giải tại Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên ngày 24/7/2024, bà **Nguyễn Thị N** và bà **Nguyễn Thị T** cùng thống nhất nội dung: Bà **Nguyễn Thị T** sẽ có trách nhiệm trả cho bà **Nguyễn Thị N** số tiền gốc còn nợ là 200.000.000 đ (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi theo thỏa thuận lãi suất là 20%/năm tính từ tháng 10/2023 cho đến tháng 7/2024 là 10 tháng với số tiền lãi là: 33.000.000 đồng. Tổng số tiền bà **Nguyễn Thị T** phải thanh toán cho bà **Nguyễn Thị N** là: 233.000.000đ (hai trăm ba mươi ba triệu đồng). Xét thấy, việc thỏa thuận lãi giữa nguyên đơn bà **Nguyễn Thị N** và bị đơn bà **Nguyễn Thị T** là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, mức lãi suất theo đúng quy định của khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Từ những phân tích, đánh giá như trên hội đồng xét xử xét thấy: có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà **Nguyễn Thị N**).

[3] Về án phí: Bị đơn (bà **Nguyễn Thị T**) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn (bà **Nguyễn Thị N**) toàn bộ tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 118, khoản 1 Điều 119, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà Nguyễn Thị N).

1. Về nghĩa vụ trả nợ: bị đơn (bà Nguyễn Thị T) có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N tổng số tiền tính đến ngày 20/9/2024 là: 239.050.000 đ (hai trăm ba mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) trong đó: nợ gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 26/9/2023 đến ngày 20/9/2024 là 39.050.000đ (ba mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn (bà Nguyễn Thị T) phải chịu 11.952.500đ (Mười một triệu chín trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn (bà Nguyễn Thị N) toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.600.000đ (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003881 ngày 15/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

3. Về quyền kháng cáo.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tx. Quảng Yên;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS tx. Quảng Yên;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Công Huy